CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long

Ngày 30/09/2025	8,010 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.7%	**17.4%**	**29.0%**

DT thuần
Q3/25
107
tỷ VNĐ
QoQ: ▼71.0| -39.9%
YoY: ▼39.0| -26.7%

LN thuần
Q3/25
5.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.05| -15.4%
YoY: ▲ 0.84| 17.1%

LN sau thuế
Q3/25
5.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.05| -16.9%
YoY: ▲ 0.81| 18.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
7.5%
YoY: +/-▲ 2.7%

ROE (TTM)
Q3/25
2.0%
YoY: +/-▲ 0.1%

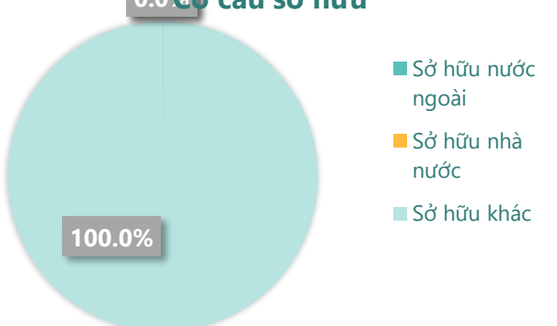
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,350 - 8,460
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	623
Số lượng CPLH (CP)	77,741,356
KLGD BQ 20 phiên (CP)	397,960
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.62
EPS	236
P/E	34.0

DT thuần
9T 2025
408
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.0| -3.8%

LN thuần
9T 2025
15.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.20| -7.1%

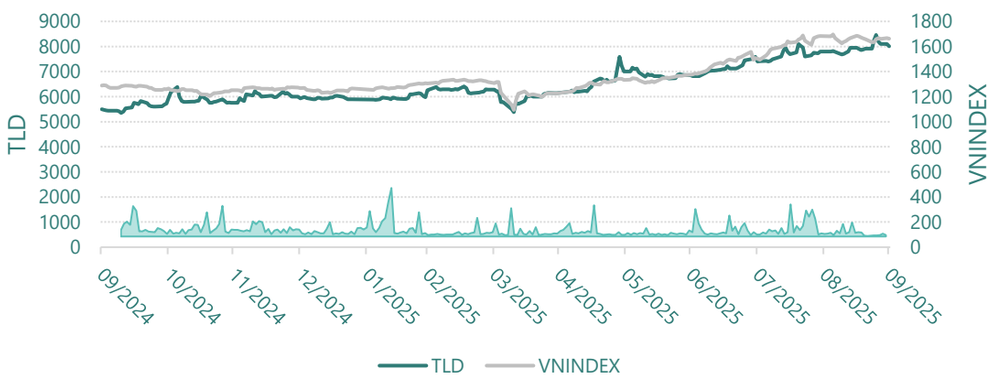
LN sau thuế
9T 2025
13.9
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.60| -4.1%

Cơ cấu sở hữu

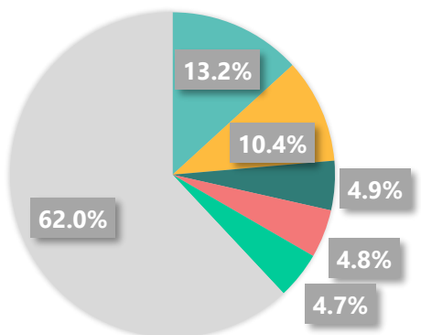


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

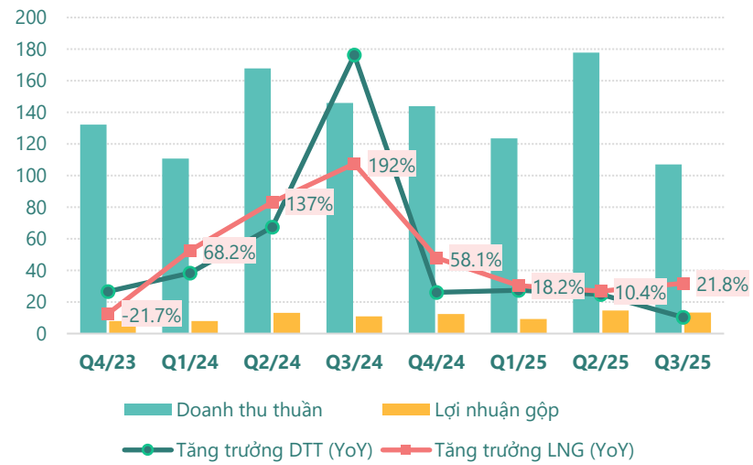


- Nguyễn An Ngọc (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn An Quân (Thành viên HĐQT)
- Vũ Dương Thu Hương
- Nguyễn Thị Bình
- Nguyễn Thị Giang
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

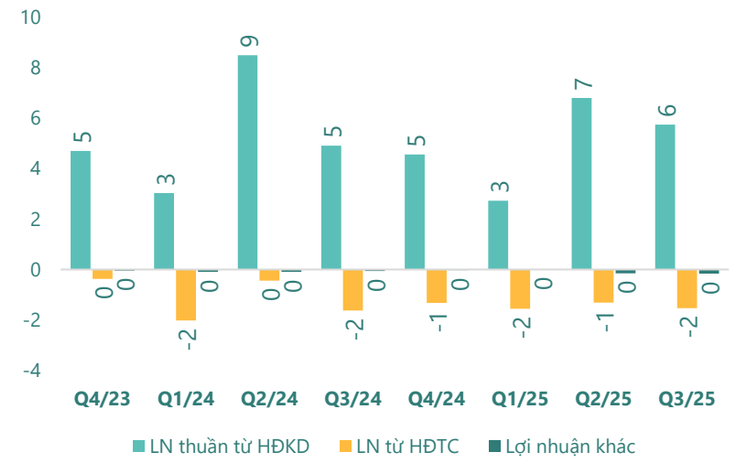
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



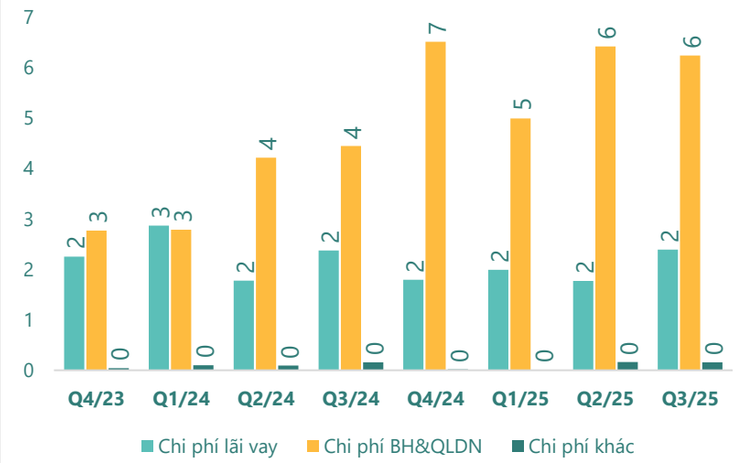
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



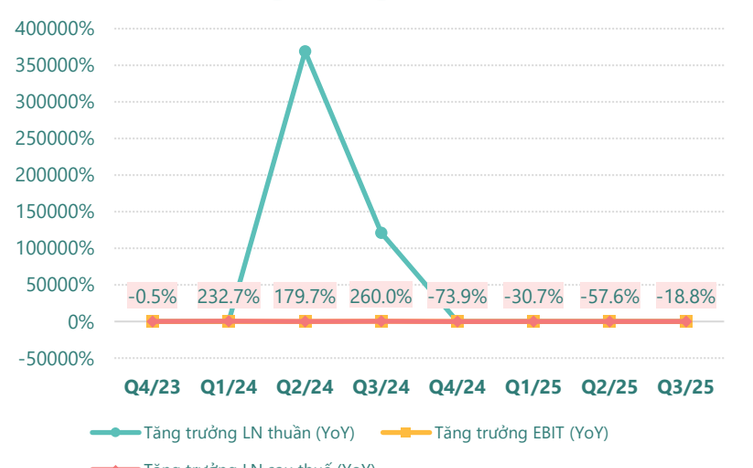
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



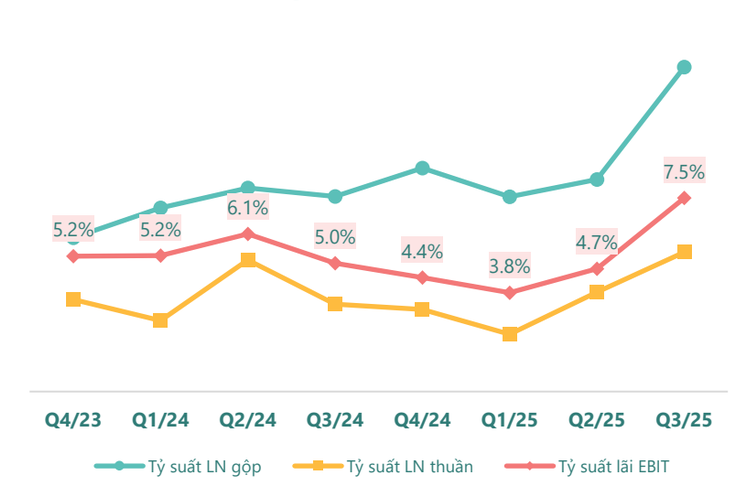
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

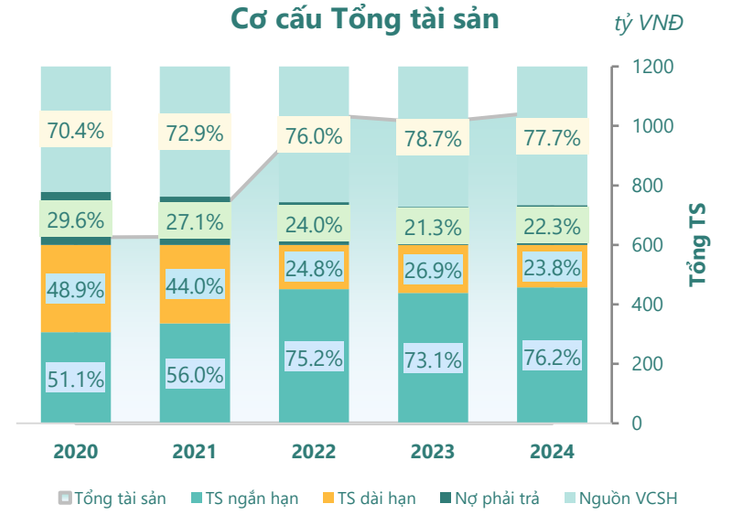
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

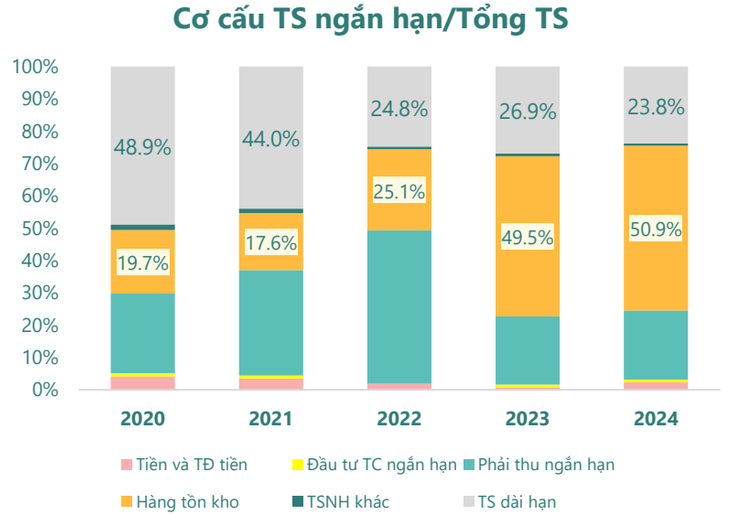
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



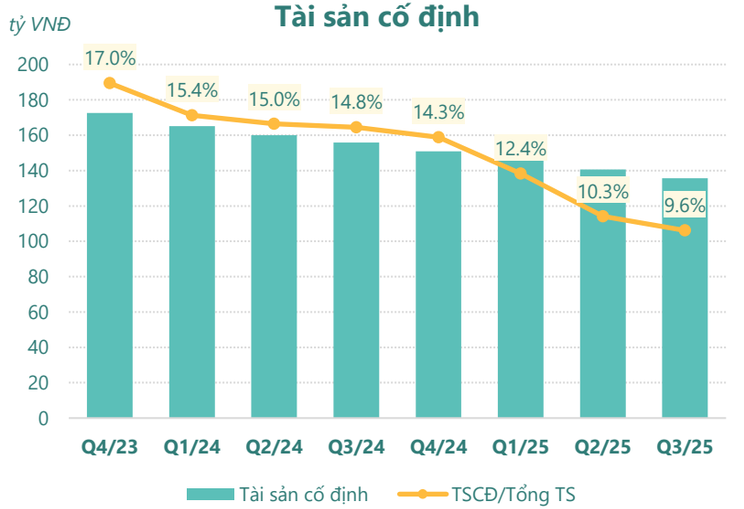
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



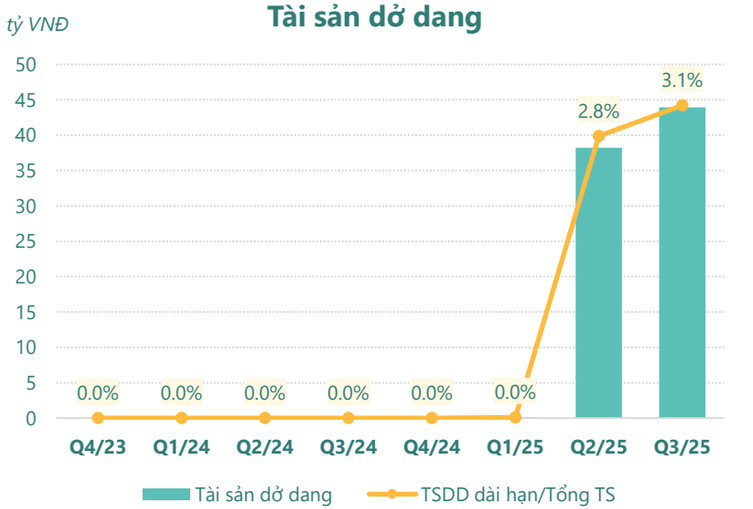
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



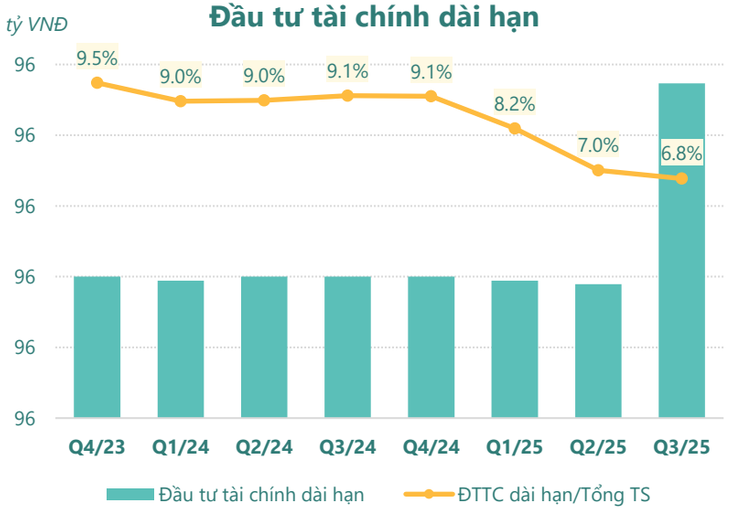
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



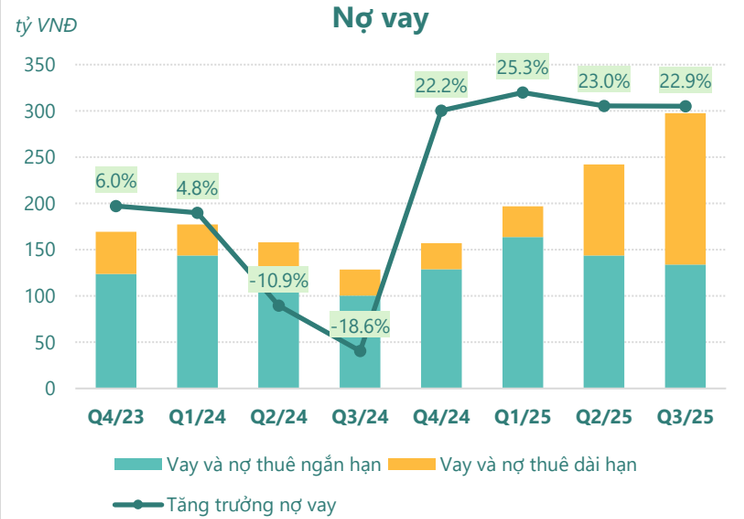
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

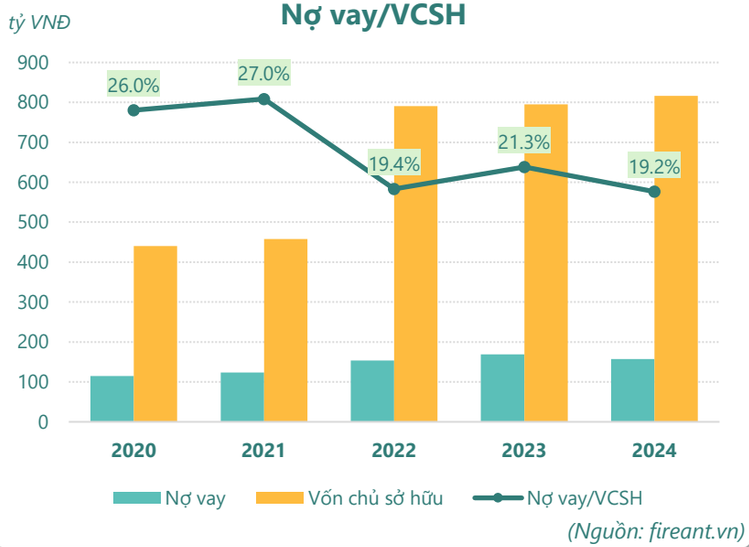
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

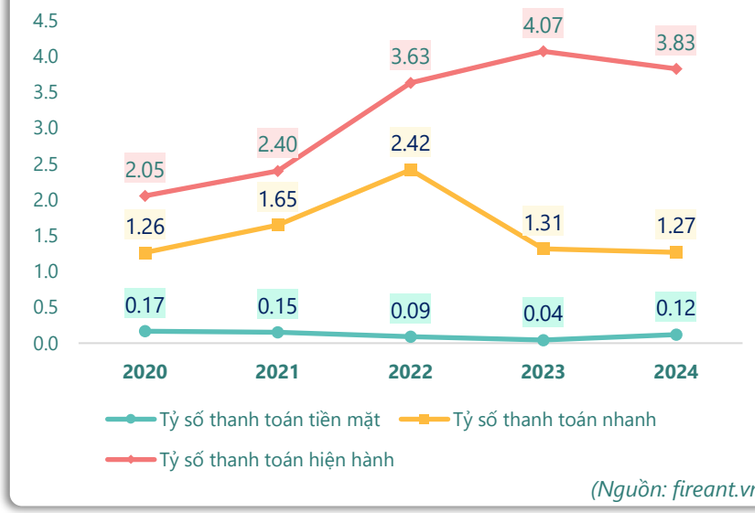
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



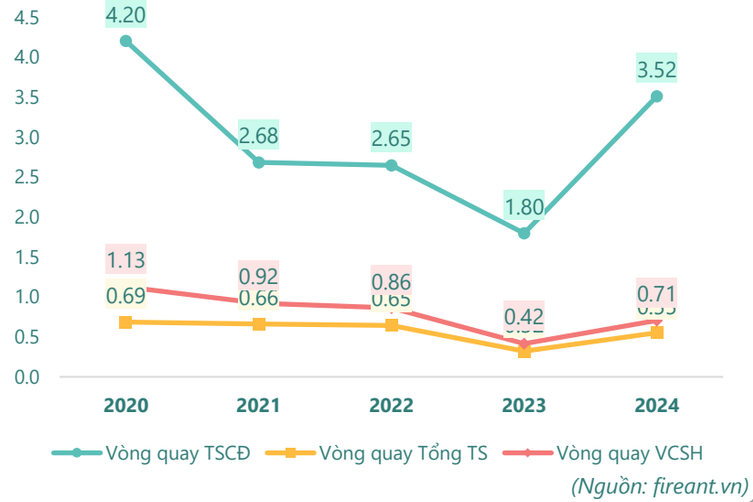
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



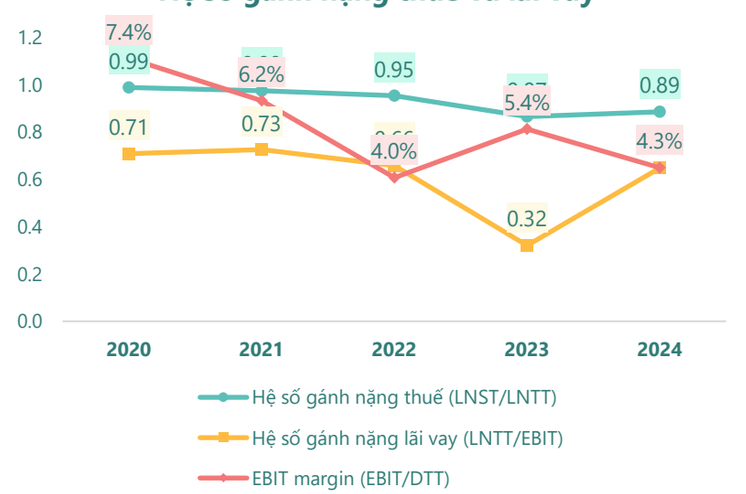
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



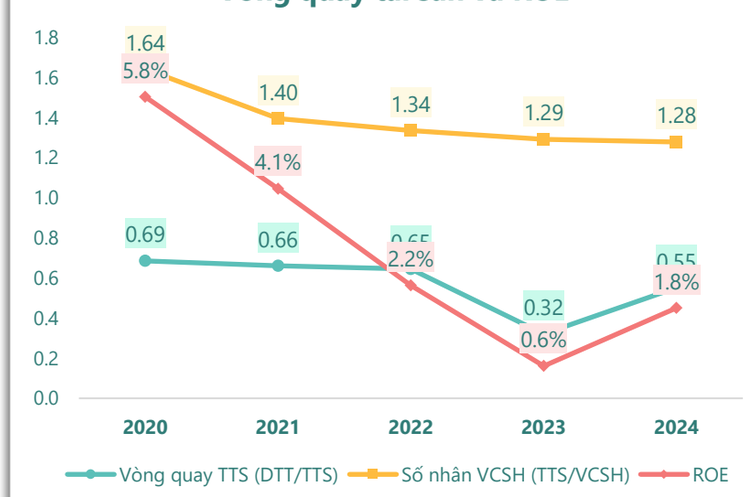
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



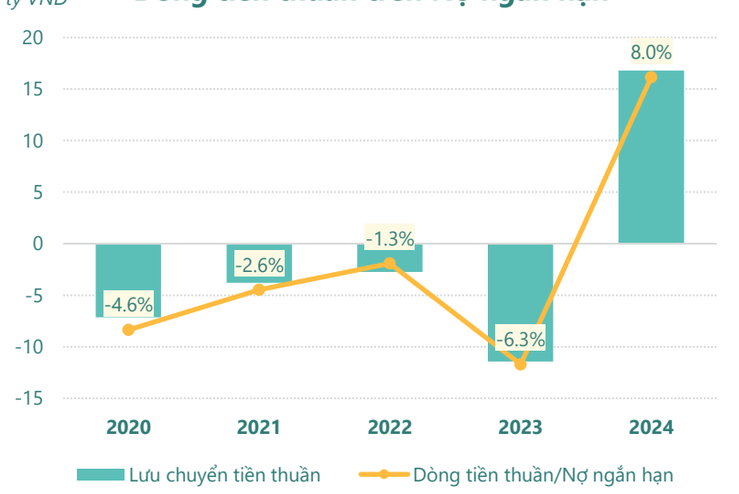
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**107**	**146**	**-26.7%**	**408**	**425**	**-3.8%**
Giá vốn hàng bán	93.6	135	-30.7%	371	393	-5.5%
Lợi nhuận gộp	13.4	11.0	21.7%	37.2	32.0	16.2%
Doanh thu HĐTC	0.60	0.75	-20.4%	1.76	2.93	-39.9%
Chi phí TC	2.13	2.38	-10.6%	6.16	7.02	-12.3%
Chi phí lãi vay	2.39	2.38	0.6%	6.16	7.02	-12.4%
LN trong công ty LKLD	**0.14**	**0.00**		**0.14**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.40	2.53	73.8%	12.3	6.65	84.9%
Chi phí QLDN	**1.85**	**1.92**	**-3.6%**	**5.39**	**4.82**	**11.8%**
LN thuần từ HĐKD	5.75	4.91	17.1%	15.3	16.5	-7.1%
Lợi nhuận khác	**-0.16**	**-0.06**	**-166%**	**-0.32**	**-0.25**	**-30.4%**
LN trước thuế	5.59	4.85	15.3%	15.0	16.2	-7.7%
Lợi nhuận sau thuế	**5.17**	**4.36**	**18.6%**	**13.9**	**14.5**	**-4.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.98**	**4.36**	**14.3%**	**13.9**	**14.5**	**-4.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	11.4	2.41	-31.9	83.3	-75.6	-74.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.2	34.9	0.38	-0.12	-101	15.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.4	-29.5	28.4	39.8	45.3	55.5
Tiền đầu kỳ	17.6	19.9	27.7	24.7	148	16.7
Lưu chuyển tiền thuần	**2.29**	**7.81**	**-3.03**	**123**	**-131**	**-3.10**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	19.9	27.7	24.7	148	16.7	13.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,419**	**1,051**	**35.1%**
Tài sản ngắn hạn	1,140	800	42.4%
Tiền và tương đương tiền	13.6	24.7	-44.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.44	8.79	-60.9%
Phải thu ngắn hạn	520	225	132%
Hàng tồn kho	584	535	9.1%
Tài sản ngắn hạn khác	18.4	7.33	152%
Tài sản dài hạn	**280**	**250**	**11.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	136	151	-10.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	43.9	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	96.1	96.0	0.1%
Tài sản dài hạn khác	**4.26**	**3.34**	**27.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	425	234	81.4%
Nợ ngắn hạn	**261**	**209**	**24.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	134	132	1.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	69.5	67.2	3.4%
Nợ dài hạn	164	24.9	556%
Vay và nợ thuê dài hạn	164	24.9	556%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**995**	**816**	**21.8%**
Vốn chủ sở hữu	**995**	**816**	**21.8%**
Vốn điều lệ	777	777	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)